

Số/No: 26 12/ 1844

Trang/Page: 1/2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

- Tên mẫu thử/ Sample: VAN BI INOX TAY GẠT MIHA - IN
- Khách hàng/ Customer: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MINH HÒA
- Số lượng mẫu/ Quantity: 01
- Tình trạng mẫu/ Observation: Xem ảnh kèm theo
- Ngày nhận mẫu/ Reception date: 12 / 05 / 2026
- Ngày thử nghiệm/ Time duration: 12 / 05 / 2026
- Phương pháp thử/ Test method: ASTM E1086 - 22
- Ngày hoàn thành/Completion: 12 / 05 / 2026
- Kết quả thử nghiệm/ Result of testing: Xem trang sau / See next page

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM CƠ KHÍ - VLXD  
Head of Mechanical and Construction Material Testing Lab.

  
Nguyễn Văn Minh

Hà nội, 13 / 05 / 2026  
15 GIÁM ĐỐC/ Director



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Dặng Thanh Tùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.  
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.  
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 16.1 MV, 1844

Trang/Page: 1/2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

TT Items	TÊN CHỈ TIÊU Specifications	P. PHÁP THỬ Test methods	M. QUY ĐỊNH Requirement	KẾT QUẢ Results
1	Thành phần hóa học %	ASTM E1086 - 22	JIS G4305 ( SUS 304)	
	• Carbon C		≤ 0,080	0,0682
	• Silicon Si		≤ 1,000	0,7633
	• Sulfur S		≤ 0,030	0,0037
	• Phosphorus P		≤ 0,045	0,0331
	• Manganese Mn		≤ 2,000	0,9777
	• Nickel Ni		8,000 ÷ 10,500	8,5112
	• Chromium Cr		18,000 ÷ 20,000	18,8731
	• Molybdenum Mo			0,0632
	• Vanadium V			0,0993
	• Copper Cu			0,0535
	• Tungsten W			0,0033
	• Titanium Ti			0,0051

Nhận xét : Thành phần hóa học tương đương với thép SUS 304 theo JIS G 4305

Ảnh mẫu thử nghiệm/ Picture of sample testing



Vị trí thử

